

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2024

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hiếu Luân
Bà Đỗ Thị Kim Vân

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Giang Thị Hồng N, sinh năm 2003 (có mặt)

Trú tại: Thôn X, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn C, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Giang Thị Hồng N trình bày:

Chị N và anh Đ kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 09/10/2023. Sau khi tổ chức đám cưới, chị N về chung sống với anh Đ tại thôn C, xã D, huyện T, TP Hà Nội, nhưng chỉ được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước khi kết hôn hai bên đã không tìm hiểu kỹ về nhau, vội vàng kết hôn trong khi hai bên có lối sống khác biệt, tính tình không hợp, anh Đ xa lánh, ghét bỏ và đánh đập chị N, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể kéo dài. Chị N bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 01/2024 và ly thân với anh Đ từ đó đến nay, anh Đ không một lời hỏi han hay mong muốn hòa giải. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N và anh Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Đ không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ nhưng anh Đ đều vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải. Mẹ đẻ anh Đ là bà Nguyễn Thị Phong cho biết: Vợ chồng chị N và anh Đ kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 09/10/2023 tại UBND xã D, huyện T, TP Hà Nội. Sau khi tổ chức đám cưới, chị N về chung sống với anh Đ tại thôn C, xã D được một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn do lối sống không hợp, chị N ăn ở bừa bộn, không chịu làm ăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị N bỏ về nhà mẹ đẻ và ly thân với anh Đ từ tháng 01/2024, do không có tiếng nói chung nên hai bên cũng không gặp gỡ để hòa giải. Anh Đ đã biết chị N gửi đơn ly hôn ra Tòa, trường hợp chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh Đ cũng đồng ý ly hôn để giải phóng cho cả hai bên nhưng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vợ chồng anh Đ chị N chưa có con chung, không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm yêu cầu xin ly hôn với anh Đ, không có con chung và tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền; Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Giang Thị Hồng N và xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: Không có, không xem xét. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Giang Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giang Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/10/2023 tại UBND xã D, huyện T, TP Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh Đ và chị N là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua xác minh xét thấy vợ chồng chị N và anh Đ mới về chung sống với nhau được một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, khác biệt về lối sống nên hôn nhân không hạnh phúc, trong thời gian ly thân cả hai cũng không muốn gặp gỡ nhau để hòa giải mâu thuẫn. Phía gia đình anh Đ cho biết anh Đ đồng ý ly hôn với chị N nhưng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy, hôn nhân của anh Đ và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Giang Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Giang Thị Hồng N. Chị Giang Thị Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị N và anh Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Giang Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0016205 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Lan Hương

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
 - TAND Thành phố Hà Nội;
 - VKSND Thành phố Hà Nội;
 - VKSND huyện T, TP Hà Nội;
 - Chi cục THA huyện T;
 - UBND xã D, huyện T
- Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

